

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2022/HS-ST
Ngày: 09-6-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Xuân Hiền

Bà Phan Thị Sâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Long - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số: 30/2022/TLST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2022/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 5 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Lê Thị O; sinh ngày 18 tháng 10 năm 1962 tại Quảng Bình. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn C (đã chết); con bà: Trần Thị S (đã chết); có chồng: Lê V, sinh năm 1959, hiện nay ông V trú tại: Thôn T, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình có 06 con, con lớn nhất sinh năm 1983, con nhỏ nhất sinh năm 1995. Tiền án, tiền sự: Không. Quá trình bản thân: Sinh ra và lớn lên được gia đình nuôi ăn học đến lớp 07/10 thì nghỉ học ở nhà lao động sản xuất. Năm 1980, tham gia lực lượng thanh niên xây dựng công trình thủy lợi tại sông T, tỉnh Quảng Trị sau đó trở về địa phương làm ruộng đến ngày phạm tội. Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 24/4/2022 cho đến nay tại Thôn T, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Văn V; sinh ngày 12 tháng 12 năm 1995 tại Quảng Bình. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê V, sinh năm: 1959; con bà: Lê Thị O, sinh năm: 1962 hiện ông bà trú tại: Thôn T, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; gia đình có 06 anh chị em, V là con thứ 6 trong gia đình, có vợ: Hoàng Thị T, sinh năm 2000, nghề nghiệp: Nội trợ; hiện trú tại: Thôn T, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; có 01 người con sinh năm 2021. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Sinh ra và lớn lên được gia đình nuôi ăn học hết lớp 6/12 thì nghỉ học ở nhà lao động tự do cho đến ngày phạm tội. Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 24/4/2022 cho đến nay tại thôn T, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Bị cáo V có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh ngày 08/4/1981; địa chỉ: Số 241 Q, Tổ dân phố P, phường P, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

1. Bà Lê Thị D, sinh ngày 01/01/1983; địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường P, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 00 phút ngày 03/12/2021, Lê Văn V điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, Exciter BKS 73G1 - 175.88 xe của Vinh chở mẹ là bà Lê Thị O đi từ huyện Q về thành phố Đ. Khi qua nhà chị Nguyễn Thị Hồng T ở số nhà 241 đường Q, thuộc tổ dân phố P, phường P, O thấy trước hiên nhà có để 01 trục các đăng hình trụ dài khoảng 40cm x 10cm ở hai đầu có khớp nối với hai bộ phận kim loại, 01 máy bơm thủy lực kích thước khoảng 18cm x 10cm x 08cm, là phụ tùng dùng cho xe cầu tự hành Hyundai. Thấy xung quanh không có người trong coi tài sản, O bảo V quay xe lại trộm cắp tài sản trên. V đồng ý và điều khiển xe mô tô quay lại, dừng xe bên đường, đi vào lấy trộm 01 trục các đăng và 01 máy bơm thủy lực để lên xe. O ngồi phía sau giữ tài sản, V điều khiển xe mô tô về điểm thu mua phế liệu của chị gái là Lê Thị D tại tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình bán được số tiền là 110.000 đồng. Số tiền bán được O cất giữ, tiêu xài hết. Tài sản không thu hồi được. Sau khi mất trộm tài sản chị T đã trích xuất camera đưa vào USB và trình báo đến Công an thành phố.

Tại Kết luận định giá số: 75/KL-HĐĐG ngày 18/01/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, kết luận 01 trục các đăng dùng cho xe cầu tự hành Hyundai, mua năm 2021, trị giá 4.500.000 đồng; 01 máy bơm thủy lực loại dùng cho xe cầu Hyundai, mua năm 2021, giá 4.500.000 đồng. Tổng trị giá tài sản: 9.000.000 đồng .

Vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Đồng Hới đã thu giữ từ Lê Văn V: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu bạc xanh, BKS 73G1-175.88, số khung S9A0GY079494, số máy 1S9A079506, xe đã qua sử dụng; 01 Giấy chứng đăng ký xe mô tô, xe máy số 006255 mang tên Lê Văn V do Công an huyện Quảng Ninh cấp ngày 09/7/2016. Tạm giữ của chị Nguyễn Thị Hồng T: 01 USB nhãn hiệu Sandisk, dung lượng 08GB, bên trong chứa 01 video thời lượng 01 phút 34 giây, dung lượng 12,656 KB được lưu trong file “Video mất trộm”.

Trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Lê Thị O và Lê Văn V đã bồi thường cho chị Nguyễn Thị Hồng T số tiền 7.000.000 đồng, chị T không yêu cầu bồi thường thêm.

Tại bản cáo trạng số: 32/CT-VKSĐH –KT ngày 27 tháng 4 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới truy tố các bị cáo Lê Thị O, Lê Văn V ra trước Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới để xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới đã phát biểu lời luận tội và phân tích tính chất mức độ của hành vi phạm tội mà các bị cáo Lê Thị O, Lê Văn V đã thực hiện. Giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử các bị cáo Lê Thị O, Lê Văn V theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng có xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khi áp dụng hình phạt. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt: Lê Thị O từ 06 - 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 - 18 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt: Lê Văn V từ 06 - 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 - 18 tháng.

Vật chứng vụ án:

Đề nghị trả lại cho bị cáo Lê Văn V: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu bạc xanh, BKS 73G1-175.88, số khung S9A0GY079494, số máy 1S9A079506, xe đã qua sử dụng; 01 Giấy chứng đăng ký xe mô tô, xe máy số

006255 mang tên Lê Văn V do Công an huyện Quảng Ninh cấp ngày 09/7/2016, xe đã qua sử dụng.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị Hồng T: 01 USB nhãn hiệu Sandisk, dung lượng 08GB, bên trong chứa 01 video thời lượng 01 phút 34 giây, dung lượng 12,656 KB được lưu trong file “Video mất trộm” kèm theo hồ sơ vụ án.

Trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Lê Thị O và Lê Văn V đã bồi thường cho chị Nguyễn Thị Hồng T số tiền 7.000.000 đồng, chị T không yêu cầu bồi thường thêm.

Quá trình xét hỏi tại phiên tòa, các bị cáo Lê Thị O, Lê Văn V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã truy tố và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đồng Hới, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân thành phố Đồng Hới, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, về trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Thị O, Lê Văn V khai nhận việc thực hiện hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng đã truy tố và lời khai của bị hại. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định :

Khoảng 07 giờ ngày 03/12/2021, Lê Thị O và Lê Văn V đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của chị Nguyễn Thị Hồng T tại số nhà 241 đường Q thuộc Tổ dân phố P, phường P, tổng giá trị 9.000.000 đồng. Vì vậy, Lê Thị O và Lê Văn V phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự đúng như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

[3] Xét tính chất, mức độ hậu quả của hành vi và nhân thân của các bị cáo thấy rằng:

Đây là một vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo nhất thời phạm tội, các bị cáo có quan hệ ruột thịt cùng nhau thực hiện phạm tội. Hành vi phạm tội của các bị cáo là gây mất trật tự trị an trên địa bàn thành phố, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Mặc dù các bị cáo đều nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn bất chấp hậu quả, thực hiện đến cùng hành vi trộm cắp tài sản của người khác để sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân. Các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý, trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây dư luận xấu nên đòi hỏi phải có hình phạt nghiêm khắc để xử lý đối với hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra. Để đánh giá tính chất từng bị cáo thấy rằng:

Bị cáo Lê Thị O là người trưởng thành, có trình độ nhận thức về xã hội, bị cáo đã có chồng con, đáng lẽ ra bị cáo là một người mẹ tốt để các con noi theo, nhưng vì nhu cầu ích kỷ cá nhân, bản thân vì một chút thiếu suy nghĩ mà bị cáo O đã khởi xướng và rủ rê bị cáo Vinh thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Vì vậy bị cáo Oanh phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án này với vai trò là chủ mưu.

Xét bị cáo là người chưa có tiền án tiền sự, nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo có thể cải tạo tại địa phương, hành vi của bị cáo không gây nguy hiểm cho xã hội nên không nhất thiết phải cách ly ra khỏi xã hội mà để chấp hành hình phạt tù cho hưởng án treo. Hội đồng xét xử nhận thấy áp dụng Điều 65 cũng là phù hợp cũng đủ để giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

Đối với bị cáo Lê Văn V cũng là người trưởng thành có đủ sức khỏe, nhận thức về pháp luật, đáng lẽ ra khi nghe bị cáo O rủ thì V phải khuyên bảo mẹ không phạm tội, nhưng ngược lại, cũng vì một chút thiếu suy nghĩ, mà khi nghe bị cáo O rủ rê thì V đồng ý ngay và tìm mọi cách để thực hiện hành vi phạm tội. Mặc dù bị cáo biết đây là hành vi vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo V vẫn cố tình cùng các bị cáo thực hiện đến cùng. Hành vi của bị cáo không những vi phạm pháp luật mà còn vi phạm đạo đức xã hội, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân.

Xét bị cáo là người chưa có tiền án tiền sự, nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo có thể cải tạo tại địa phương, không gây nguy hiểm cho xã hội nên không nhất thiết phải cách ly ra khỏi xã hội mà để chấp hành hình phạt tù cho hưởng án treo, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 65 bộ luật hình sự năm 2015 cũng là phù hợp cũng đủ để giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Bị cáo Lê Thị O và Lê Văn V không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Khi lượng hình cũng xem xét cho các bị cáo Lê Thị O và Lê Văn V các tình tiết giảm nhẹ các bị cáo đã có thái độ thành khẩn, ăn năn hối cải, tài sản trộm cắp được gia đình các bị cáo bồi thường và bồi hoàn cho bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bố bị cáo O có công với Cách Mạng được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng nhất, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo. Đối với bị cáo V có đơn xin trình bày hoàn cảnh khó khăn, bản thân là lao động chính trong gia đình vợ con không có việc làm và bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[7] Vật chứng vụ án:

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Đồng Hới đã thu giữ từ Lê Văn V: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu bạc xanh, BKS 73G1-175.88, số khung S9A0GY079494, số máy 1S9A079506, xe đã qua sử dụng; 01 Giấy chứng đăng ký xe mô tô, xe máy số 006255 mang tên Lê Văn V do Công an huyện Quảng Ninh cấp ngày 09/7/2016.

Hội đồng xét xử xét thấy đây là công cụ phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên trong hồ sơ vụ án bị cáo và vợ bị cáo làm đơn trình bày hoàn cảnh khó khăn, chiếc xe máy là tài sản duy nhất dùng vào việc sinh hoạt hàng ngày, nếu tịch thu sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống sinh hoạt của gia đình bị cáo. Vì vậy bị cáo V và vợ đã làm đơn xin Hội đồng xét xử xem xét để trả lại tài sản cho bị cáo.

Tạm giữ của chị Nguyễn Thị Hồng T: 01 USB nhãn hiệu Sandisk, dung lượng 08GB, bên trong chứa 01 video thời lượng 01 phút 34 giây, dung lượng 12,656 KB được lưu trong file “Video mất trộm”. phong bì đã niêm phong đăng sau phong bì có đóng dấu của phòng kỹ thuật sự Công an tỉnh Quảng Bình, và chữ ký Phan Thị T, kèm theo hồ sơ vụ án. Cần trả lại cho chị T sau khi án có hiệu lực pháp luật.

[8] Trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Lê Thị O và bị cáo Lê Văn V đã bồi thường cho chị Nguyễn Thị Hồng T số tiền 7.000.000 đồng, chị T không yêu cầu bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Án phí Hình sự sơ thẩm sơ thẩm:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 21, 23 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Lê Thị O và bị cáo Lê Văn V mỗi bị cáo phải chịu nộp số tiền là 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà Nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị O, bị cáo Lê Văn V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về Điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt: Lê Thị O 07 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 14 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Thị O cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt: Lê Văn V 06 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Văn V cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Vật chứng vụ án:

Trả lại cho Lê Văn V: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu bạc xanh, BKS 73G1-175.88, số khung S9A0GY079494, số máy 1S9A079506, xe đã qua sử dụng; 01 Giấy chứng đăng ký xe mô tô, xe máy số 006255 mang tên Lê Văn V do Công an huyện Q cấp ngày 09/7/2016 (Xe đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng bên trong). Vật chứng nêu trên hiện có tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/5/2022, giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị Hồng T: 01 phong bì đã niêm phong đằng sau phong bì có đóng dấu của phòng kỹ thuật sự Công an tỉnh Quảng Bình, và chữ ký Phan Thị T trong đó có 01 USB nhãn hiệu Sandisk, dung lượng 08GB, bên trong chứa 01 video thời lượng 01 phút 34 giây, dung lượng 12,656 KB được lưu trong file “Video mất trộm” kèm theo hồ sơ vụ án, sau khi án có hiệu lực pháp luật.

4. Trách nhiệm dân sự: Miễn xét

5. Về án phí sơ thẩm:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 21, 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Lê Thị O phải chịu nộp số tiền là 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Buộc bị cáo Lê Văn V phải chịu nộp số tiền là 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (09/6/2022). Đối với bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hạn trong 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh.
- VKSND tỉnh.
- VKSND thành phố Đồng Hới.
- Công an thành phố Đồng Hới.
- Chi cục THADS thành phố Đồng Hới.
- THA phạt tù.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu hồ sơ.
- Lưu án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Mỹ Lệ

